TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-03-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn và quyền nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Dá;

2. Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn và quyền nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Ngọc Thanh T, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn M, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp O, xã P, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2017 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phan Ngọc Thanh T trình bày:

Chị và anh Lê Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 06/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân là tự nguyện. Vợ

chồng có một con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 17/10/2014, hiện con đang sống chung với chị. Tài sản chung và nợ chung không có. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh C hay uống rượu và có thái độ lớn tiếng với vợ con, thường hay đập phá đồ đạc trong nhà khi say, chị nhiều lần khuyên ngăn nhưng không thay đổi, từ đó vợ chồng cải vã dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Và hai người ly thân từ tháng 1 năm 2017 đến nay. Do quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung, yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/11/2017 của Tòa án cũng như quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị T do vẫn còn thương vợ con, nên yêu cầu được hàn gắn để cùng nhau xây dựng mái ấm và nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật; thu thập chứng cứ đầy đủ; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với anh C chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn với anh C do mâu thuẫn đã trầm trọng không hàn gắn được; giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì sau khi ly thân con sống chung với chị T đã ổn định về vật chất lẫn tinh thần, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do các đương sự không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, chị T yêu cầu ly hôn với anh C và giải quyết quyền nuôi con chung. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với anh C được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày 06/10/2014 anh C và chị T có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, anh C và chị T khai nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Lời trình bày của đương sự thể hiện, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do lỗi của anh C hay uống rượu và có thái độ lớn tiếng với vợ con, thường hay đập phá đồ đạc trong nhà khi say, từ đó vợ chồng thường cải nhau, mâu thuẫn ngày càng lớn. Tại phiên hòa giải anh C thừa nhận lỗi của mình và mong được hàn gắn với chị T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, đã động viên hàn gắn nhưng không thành vì chị T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với anh C. Kể từ khi ly thân đến nay, vợ chồng đều không tới lui thăm hỏi nhau, ai chỉ biết bổn phận của người đó. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 17/10/2014, chị T và anh C đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, cháu V hiện đang sống với chị T đã ổn định về vật chất lẫn tinh thần và chị T cũng có công việc ổn định, khi ly thân cháu V trực tiếp sống với chị T nên cần giao cháu V cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh C thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Ngọc Thanh T được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Thảo V, sinh ngày 17/10/2014 đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009018 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS Thạnh Trị;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Nam